



yào diàn

药店

Noun · pharmacy

Example Sentences

wǒ qù yào diàn mǎi gǎn mào yào
我去药店买感冒药。

I go to the pharmacy to buy cold medicine

yào diàn lǐ yǒu gè zhǒng yào cái
药店里有各种药材。

There are various medicinal materials in the pharmacy.

tā àn zhào yào fāng qù yào diàn mǎi le yào
他按照药方去药店买了药。

He went to the pharmacy to buy medicine according to the prescription.

Trace each character, then write the word on your own.

药	药	药	药	药	药	药	药	药	药	药
药										
店	店	店	店	店	店	店	店	店	店	店